BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 399/QĐ-ĐHKG

Kiên Giang, ngày 15 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về tiêu chuẩn và quy trình xét công nhận sáng kiến tại Trường Đại học Kiên Giang

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIÊN GIANG

Căn cứ Quyết định số 758/QĐ-TTg ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kiên Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐT ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Kiên Giang về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kiên Giang;

Căn cứ Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ về ban hành Điều lệ sáng kiến;

Căn cứ Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ về ban hành Điều lệ sáng kiến;

Căn cứ Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành quy định về việc xét, công nhận sáng kiến trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 279/QĐ-ĐHKG ngày 26 tháng 4 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn và quy trình xét công nhận sáng kiến tại Trường Đại học Kiên Giang;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Hợp tác và Khoa học Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 279/QĐ-ĐHKG ngày 26 tháng 4 năm 2021 về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn và quy trình xét công nhận sáng kiến tại Trường Đại học Kiên Giang như sau:

1. Bổ sung điểm a khoản 1 Điều 8 như sau:

"Điều 8. Hội đồng sáng kiến

1. Hội đồng Sáng kiến cấp Trường (HĐSKCT):

a) Hiệu trưởng quyết định thành lập HĐSKCT để xét duyệt, công nhận sáng kiến trong phạm vi Nhà trường.

Thành phần Hội đồng Sáng kiến gồm có Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng, Ủy viên thư ký, các chuyên gia hoặc những người có trình độ chuyên môn về lĩnh vực có liên quan đến nội dung sáng kiến, đại diện của Công đoàn và các thành phần khác theo quyết định của Hiệu trưởng. Hội đồng chỉ họp khi có mặt ít nhất 2/3 số thành viên."

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

"Điều 9. Đánh giá, công nhận sáng kiến

1. Sáng kiến cấp Trường được thành viên Hội đồng sáng kiến chấm theo thang điểm 100, nhỏ nhất là 01 điểm, gồm các tiêu chí (Mẫu 04-QĐSK):

STT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa
I	**Hình thức (điểm tối đa 10 điểm)**	
1.1	Cấu trúc đầy đủ các phần theo hướng dẫn	5
1.2	Trình bày rõ ràng, khoa học	5
II	**Tính khoa học và thực tiễn (điểm tối đa 10 điểm)**	
2.1	Đảm bảo tính logic của vấn đề trình bày	5
2.2	Các giải pháp SKKN đưa ra phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ, *giải quyết* tốt vấn đề đặt ra	5
III	**Sáng kiến có yếu tố mới và sáng tạo (điểm tối đa 30 điểm)** *(chỉ chọn 01 (một) trong 05 (năm) nội dung bên dưới và cho điểm tương ứng)*	
3.1	Hoàn toàn mới, được áp dụng đầu tiên	30
3.2	Có cải tiến so với giải pháp trước đây với mức độ khá	20
3.3	Có cải tiến so với giải pháp trước đây với mức độ trung bình	15
3.4	Có cải tiến so với giải pháp trước đây với mức độ ít hơn trung bình	10
3.5	Không có yếu tố mới hoặc sao chép từ các giải pháp đã có trước đây	0
IV	**Sáng kiến có khả năng áp dụng (điểm tối đa 20 điểm)** *(chỉ chọn 01 (một) trong 04 (bốn) nội dung bên dưới và cho điểm tương ứng)*	
4.1	Có phạm vi áp dụng trên cấp Trường	20
4.2	Có phạm vi áp dụng trong toàn Trường	15
4.3	Có phạm vi áp dụng trong đơn vị	10
4.4	Không khả năng áp dụng trong Trường	0
V	**Sáng kiến có khả năng mang lại hiệu quả thiết thực (điểm tối đa 30 điểm)** *(chỉ chọn 01 (một) trong 04 (bốn) nội dung bên dưới và cho điểm tương ứng)*	
5.1	Áp dụng đem lại hiệu quả cao	30
5.2	Áp dụng đem lại hiệu quả khá	20
5.3	Áp dụng đem lại hiệu quả trung bình	10
5.4	Không có hiệu quả kinh tế và lợi ích xã hội	0
	Tổng cộng (điểm cộng tối đa: 100 điểm)	

2. Phương pháp chấm điểm

- Thành viên Hội đồng đánh giá sáng kiến bằng cách cho điểm theo thang điểm đã quy định. Phiếu hợp lệ là phiếu cho điểm bằng hoặc thấp hơn điểm tối đa đã ghi trên phiếu tương ứng cho từng tiêu chí đánh giá;

- Số điểm được làm tròn tới hàng đơn vị cho từng tiêu chí (theo quy tắc làm tròn số), ví dụ: Tại tiêu chí yếu tố mới và sáng tạo, nếu đánh giá đạt từ 25,1 đến 25,4 điểm thì chấm là 25 điểm; nếu đạt từ 25,5 đến 25,9 điểm thì chấm là 26 điểm.

3. Xếp loại sáng kiến

a) Trường hợp sáng kiến đạt yêu cầu, sáng kiến được công nhận ở 01 (một) trong 03 (ba) mức xếp loại sau:

- Xuất sắc: khi có số tổng điểm trung bình đạt từ 85 trở lên;

- Khá: khi có tổng số điểm trung bình đạt từ 65 đến dưới 85;

- Trung bình: khi có tổng số điểm trung bình đạt từ 50 đến dưới 65.

b) Sáng kiến không đạt yêu cầu khi rơi vào 01 (một) trong 03 (ba) trường hợp sau:

- Có tổng số điểm của 05 mục I, II, III, IV và V tại khoản 1 Điều này đạt dưới 50 điểm;

- Sáng kiến có yếu tố mới và sáng tạo đạt dưới 15 điểm;

- Sáng kiến có khả năng mang lại hiệu quả thiết thực đạt dưới 10 điểm."

3. Sửa đổi khoản 3 Điều 13 như sau:

"Điều 13. Quyền của Trường, tác giả sáng kiến và người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu

3. Đối với sáng kiến đã được công nhận, người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu có quyền nhận thù lao theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012."

4. Sửa đổi khoản 1 Điều 14 như sau:

"Điều 14. Tài chính trong hoạt động sáng kiến

1. Việc chi trả thù lao cho tác giả, đồng tác giả và người tham gia tạo ra sáng kiến thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012."

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Phòng Hợp tác và Khoa học công nghệ, Lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 (để th/h);
- Ban Giám hiệu (để biết);
- Lưu: VT, HTKHCN.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIÊN GIANG

Nguyễn Tuấn Khanh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Về tiêu chuẩn và quy trình xét công nhận sáng kiến tại Trường Đại học Kiên Giang

(Ban hành kèm theo Quyết định số 399 /QĐ-ĐHKG ngày 15 / 5 /2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định chi tiết thẩm quyền, điều kiện, trình tự, thủ tục xét công nhận sáng kiến; quản lý và thúc đẩy hoạt động sáng kiến tại Trường Đại học Kiên Giang.

2. Quy định này áp dụng đối với viên chức (VC), người lao động (NLĐ) có hoạt động sáng kiến tại Trường Đại học Kiên Giang.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "Hoạt động sáng kiến" bao gồm các hoạt động tạo ra, áp dụng sáng kiến, công nhận sáng kiến, thực hiện quyền và nghĩa vụ liên quan đến sáng kiến.

2. "Sáng kiến cấp trường" là sáng kiến đáp ứng các điều kiện theo Quy định này, được hội đồng sáng kiến thông qua hoặc công nhận và đã được nhân rộng, hoặc có thể nhân rộng, hoặc có tác động trong phạm vi toàn Trường.

3. "Tác giả sáng kiến" là người trực tiếp tạo ra sáng kiến bằng chính lao động sáng tạo của mình. Đồng tác giả sáng kiến là những tác giả cùng nhau tạo ra sáng kiến.

4. "Chủ đầu tư tạo ra sáng kiến" là cơ quan, tổ chức, cá nhân đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật dưới hình thức giao việc, thuê việc hoặc các hình thức khác cho tác giả để tạo ra sáng kiến.

5. "Chuyển giao sáng kiến" là việc truyền đạt toàn bộ kiến thức, thông tin về sáng kiến để người được chuyển giao có thể áp dụng sáng kiến.

Điều 3. Đối tượng được công nhận sáng kiến

Đối tượng được công nhận là sáng kiến gồm giải pháp kỹ thuật, giải pháp

quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật (gọi chung là giải pháp) được hiểu như sau:

1. Giải pháp kỹ thuật là cách thức kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật nhằm giải quyết một nhiệm vụ (một vấn đề) xác định, bao gồm:

a) Sản phẩm, dưới các dạng: vật thể (ví dụ: dụng cụ, máy móc, thiết bị, linh kiện); chất (ví dụ: vật liệu, chất liệu, thực phẩm, dược phẩm, mỹ phẩm); vật liệu sinh học (ví dụ: chủng vi sinh, chế phẩm sinh học, gen, thực vật, động vật biến đổi gen).

b) Quy trình (ví dụ: quy trình công nghệ; quy trình chẩn đoán, phương pháp phân tích mẫu).

2. Giải pháp quản lý là cách thức tổ chức, điều hành công việc thuộc bất kỳ lĩnh vực hoạt động nào, trong đó có:

a) Phương pháp tổ chức công việc (ví dụ: bố trí nhân lực, máy móc, thiết bị, dụng cụ, nguyên liệu, vật liệu);

b) Phương pháp điều hành, kiểm tra, giám sát công việc được đánh giá là mang lại hiệu quả, lợi ích thiết thực sau khi triển khai thực hiện.

3. Giải pháp tác nghiệp bao gồm các phương pháp thực hiện các thao tác kỹ thuật, nghiệp vụ trong công việc thuộc bất kỳ lĩnh vực hoạt động nào, trong đó có:

a) Phương pháp thực hiện các thủ tục hành chính (ví dụ: tiếp nhận, xử lý hồ sơ, đơn thư, tài liệu);

b) Phương pháp thẩm định, giám định, tư vấn, đánh giá;

c) Phương pháp tuyên truyền, đào tạo, giảng dạy, huấn luyện;

4. Giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật là phương pháp, cách thức hoặc biện pháp áp dụng một giải pháp kỹ thuật đã biết vào thực tiễn.

Việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật mà không có phương pháp, cách thức, biện pháp giải quyết một vấn đề tồn tại hoặc phát sinh trong quá trình ứng dụng thì không được coi là giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật.

Điều 4. Điều kiện để được công nhận là sáng kiến

1. Sáng kiến là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật (gọi chung là giải pháp), được Nhà trường công nhận nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Có tính mới trong phạm vi toàn Trường;

b) Đã được áp dụng hoặc áp dụng thử tại Trường và có khả năng mang lại lợi ích thiết thực;

c) Không thuộc đối tượng bị loại trừ tại khoản 2 Điều này.

2. Các đối tượng sau đây không được công nhận là sáng kiến:

a) Giải pháp mà việc công bố, áp dụng giải pháp trái với trật tự công cộng hoặc đạo đức xã hội;

b) Giải pháp là đối tượng đang được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật tính đến thời điểm xét công nhận sáng kiến.

3. Một giải pháp được coi là có tính mới nếu tính đến trước ngày nộp đơn công nhận sáng kiến, hoặc ngày bắt đầu (tính theo ngày nào sớm hơn) trong phạm vi Nhà trường, giải pháp đáp ứng đầy đủ yêu cầu sau đây:

a) Không trùng với nội dung các giải pháp trong đơn đăng ký nộp trước;

b) Chưa bị bộc lộ công khai trong các văn bản, sách báo, tài liệu kỹ thuật đến mức căn cứ vào đó có thể thực hiện ngay được;

c) Không trùng với các giải pháp của người khác đã được áp dụng hoặc áp dụng thử, hoặc đưa vào kế hoạch áp dụng, phổ biến hoặc chuẩn bị các điều kiện để áp dụng, phổ biến;

d) Chưa được quy định thành tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm bắt buộc phải thực hiện.

4. Một giải pháp được coi là có khả năng mang lại lợi ích thiết thực nếu việc áp dụng giải pháp đó có khả năng mang lại hiệu quả kinh tế hoặc lợi ích xã hội.

5. Đánh giá, công nhận phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến dựa trên các nội dung hoặc tài liệu sau:

- Các chứng cứ hoặc thuyết minh về việc chuyển giao, nhân rộng việc áp dụng sáng kiến ngoài phạm vi đơn vị cơ sở;

- Các bằng chứng hoặc thuyết minh về quy mô, số lượng tổ chức, cá nhân được hưởng lợi từ việc áp dụng sáng kiến.

Điều 5. Tác giả và đồng tác giả sáng kiến

1. Cách xác định tác giả, đồng tác giả sáng kiến:

a) Tác giả sáng kiến, đồng tác giả sáng kiến đứng tên đứng tên nộp đơn yêu

cầu công nhận sáng kiến phải là những người trực tiếp hoặc cùng nhau tạo ra sáng kiến bằng chính lao động sáng tạo của mình;

b) Những người chỉ tham gia hỗ trợ, giúp việc cho tác giả trong quá trình tạo ra sáng kiến và áp dụng sáng kiến thì không được coi là đồng tác giả sáng kiến (ví dụ: tính toán, làm thí nghiệm, mô hình, mẫu thử, vẽ kỹ thuật, gia công, chế tạo chi tiết, tìm thông tin tư liệu, đánh máy; hỗ trợ kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật).

2. Trong trường hợp sáng kiến có đồng tác giả và số lượng đồng tác giả vượt quá 03 người thì các đồng tác giả phải có bản giải trình nêu rõ nội dung công việc từng người tham gia tạo ra sáng kiến nộp kèm theo hồ sơ đề nghị công nhận sáng kiến.

3. Phòng Hợp tác và Khoa học Công nghệ (P.HTKHCN) là đơn vị tiếp nhận hồ sơ đề nghị công nhận sáng kiến và có trách nhiệm xem xét, kiểm tra, xác minh những người khai nhận là tác giả (đồng tác giả) sáng kiến; trường hợp kết quả kiểm tra, xác minh cho thấy đủ cơ sở kết luận những người nộp hồ sơ không đúng đối tượng là tác giả (đồng tác giả) sáng kiến thì có quyền từ chối nhận hồ sơ.

Chương II
CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN

Điều 6. Nguyên tắc và tiêu chí đánh giá, công nhận phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến

1. Việc xét, công nhận sáng kiến và đánh giá hiệu quả, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến phải đảm bảo tính dân chủ, khách quan, công khai, công bằng, thực chất và động viên được tất cả VC, NLĐ tích cực tham gia phong trào thi đua lao động sáng tạo, phát huy sáng kiến.

2. Việc xem xét, đánh giá và công nhận phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến do Hội đồng sáng kiến cấp trường thực hiện. Sáng kiến trước khi được đề nghị đánh giá và công nhận phạm vi ảnh hưởng ở cấp Trường, phải được đơn vị quản lý trực tiếp xác nhận về khả năng áp dụng tại đơn vị.

3. Đối với sáng kiến có nhiều tác giả thì kết quả đánh giá, công nhận phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến để phục vụ công tác thi đua, khen thưởng chỉ ghi nhận đối với tác giả có tỷ lệ đóng góp từ 50%. Trường hợp này, trong bản mô tả cần có thuyết minh nội dung đóng góp của tác giả trong quá trình thực hiện.

4. Tác giả (đồng tác giả) sáng kiến không phải đóng phí, lệ phí trong quá trình thực hiện hồ sơ đề nghị xét, công nhận sáng kiến.

Điều 7. Thủ tục đăng ký và quy trình xét công nhận sáng kiến

1. Trong thời gian đăng ký thi đua đầu năm học (hoặc theo thông báo của Nhà trường), các cá nhân, tổ chức dự kiến có sáng kiến thực hiện đăng ký sáng kiến nộp về P.HTKHCN (theo mẫu M01-QĐSK).

2. Quy trình xét công nhận sáng kiến

a) Lưu đồ

Bước	Lưu đồ	Đơn vị chịu trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu
1	Nộp hồ sơ đề nghị công nhận sáng kiến cấp Trường	- P.HTKHCN; - Cá nhân có liên quan.	05 ngày	M02-QĐSK M03-QĐSK
2	Tiếp nhận và xem xét hồ sơ đề nghị	P.HTKHCN	07 ngày	
3	Tham mưu Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng Sáng kiến cấp Trường (HĐSKCT)	P.HTKHCN	03 ngày	
4	Hiệu trưởng ký quyết định Không đồng ý Đồng ý	BGH	01 ngày	
5	Gửi tài liệu cho thành viên Hội đồng	P.HTKHCN	03 ngày	
6	HĐSKCT họp xem xét, đánh giá, công nhận sáng kiến	HĐSKCT	01 ngày	M04-QĐSK

7	HĐSKCT trình Hiệu trưởng ra quyết định công nhận sáng kiến	HĐSKCT	01 ngày	
8	Hiệu trưởng ký quyết định Không đồng ý Đồng ý	Hiệu trưởng	01 ngày	
9	Thông báo kết quả đến cá nhân/đơn vị có liên quan	P.HTKHCN	01 ngày	
10	Lưu các tài liệu liên quan	P.HTKHCN	01 ngày	

b) Mô tả chi tiết quy trình

Bước	Nội dung công việc	Trách nhiệm
1	Trước ngày 10 tháng 5 hàng năm (hoặc theo thông báo của Nhà trường), các cá nhân, tổ chức có đề nghị xét công nhận sáng kiến nộp hồ sơ về Hội đồng Sáng kiến cấp Trường thông qua P.HTKHCN (*trong vòng 05 ngày làm việc*). Hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị xét, công nhận sáng kiến (M02-QĐSK); - Văn bản xác nhận của đơn vị về khả năng áp dụng sáng kiến; - Báo cáo kết quả thực hiện sáng kiến (M03-QĐSK).	- P.HTKHCN; - Cá nhân liên quan.
2	Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, P.HTKHCN có trách nhiệm xem xét hồ sơ và thông báo cho tác giả sáng kiến về việc chấp nhận hồ sơ, ghi nhận các thông tin liên quan, lưu giữ hồ sơ phù	P.HTKHCN

	hợp với quy định. Trường hợp từ chối tiếp nhận, thông báo cho tác giả rõ lý do.	
3	P.HTKHCN tham mưu Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng Sáng kiến cấp Trường (HĐSKCT) *(trong vòng 03 ngày)*.	P.HTKHCN
4	Hiệu trưởng ký duyệt Quyết định thành lập HĐSKCT (*01 ngày*).	Hiệu trưởng
5	Gửi tài liệu (bao gồm Quyết định thành lập HĐSKCT, Báo cáo kết quả thực hiện sáng kiến, các văn bản có liên quan khác,…) cho các thành viên Hội đồng (*03 ngày*).	P.HTKHCN
6	Trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận tài liệu, HĐSKCT họp xem xét, đánh giá, công nhận sáng kiến (*01 ngày*).	HĐSKCT
7	Trong vòng 05 ngày kể từ ngày HĐSKCT họp, Thường trực HĐSKCT tập hợp hồ sơ, trình Hiệu trưởng ra quyết định công nhận sáng kiến *(01 ngày)*.	HĐSKCT
8	Hiệu trưởng phê duyệt Quyết định công nhận sáng kiến *(01 ngày)*.	Hiệu trưởng
9	Thông báo kết quả đến cá nhân/đơn vị có liên quan (*01 ngày*).	P.HTKHCN
10	Lưu trữ hồ sơ theo quy định (*01 ngày*).	P.HTKHCN

Điều 8. Hội đồng sáng kiến

1. Hội đồng Sáng kiến cấp Trường (HĐSKCT):

a) Hiệu trưởng quyết định thành lập HĐSKCT để xét duyệt, công nhận sáng kiến trong phạm vi Nhà trường.

Thành phần Hội đồng Sáng kiến gồm có Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng, Ủy viên thư ký, các chuyên gia hoặc những người có trình độ chuyên môn về lĩnh vực có liên quan đến nội dung sáng kiến, đại diện của Công đoàn và các thành phần khác theo quyết định của Hiệu trưởng. Hội đồng chỉ họp khi có mặt ít nhất 2/3 số thành viên.

b) Thành viên HĐSKCT đăng ký tác giả sáng kiến hoặc tham gia tạo ra sáng kiến thì không được tham gia chấm điểm và xét sáng kiến đó.

c) Trường hợp sáng kiến được tạo ra do nhà nước đầu tư kinh phí phương tiện vật chất - kỹ thuật và người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến chính là tác giả sáng kiến, thì người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến không được là thành viên của Hội đồng Sáng kiến khi xét sáng kiến đó.

2. Nhiệm vụ của Hội đồng sáng kiến:

a) HĐSKCT có nhiệm vụ tổ chức đánh giá một cách khách quan, trung thực giải pháp được yêu cầu công nhận sáng kiến, trong đó phản ánh đầy đủ ý kiến của các thành viên, kết quả biểu quyết của Hội đồng.

b) Tập hợp, xem xét, kiểm tra và thẩm định hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến. Hoặc làm thủ tục cho rút đơn yêu cầu công nhận sáng kiến khi người nộp đơn có yêu cầu.

c) Tổ chức xét duyệt, hoàn tất thủ tục họp xét sáng kiến và thẩm tra, xác minh sáng kiến, trình Hiệu trưởng ra quyết định công nhận sáng kiến.

d) Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về giữ bí mật, công bố thông tin có liên quan đến sáng kiến là đối tượng được xét duyệt, công nhận.

2. Quy trình họp xét, đánh giá và công nhận sáng kiến được thực hiện theo trình tự sau:

- Thư ký HĐSKCT báo cáo tóm tắt nội dung, hiệu quả và phạm vi ảnh hưởng của từng sáng kiến;

- Các thành viên Hội đồng nhận xét đánh giá, phản biện;

- Chủ tịch Hội đồng tóm tắt, kết luận nhận xét, đánh giá sáng kiến;

- Hội đồng tiến hành chấm điểm theo tiêu chí và cách tính điểm sáng kiến thông qua theo quy định tại Điều 9 của Quy định này;

- Thư ký Hội đồng lập và thông qua biên bản họp xét sáng kiến;

- Tổng hợp kết quả xét công nhận sáng kiến trình Hiệu trưởng công nhận sáng kiến hoặc thông báo không công nhận sáng kiến.

Điều 9. Đánh giá, công nhận sáng kiến

1. Sáng kiến cấp Trường được thành viên Hội đồng sáng kiến chấm theo thang điểm 100, nhỏ nhất là 01 điểm, gồm các tiêu chí:

STT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa
I	**Hình thức (điểm tối đa 10 điểm)**	
1.1	Cấu trúc đầy đủ các phần theo hướng dẫn	5
1.2	Trình bày rõ ràng, khoa học	5

STT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa
II	**Tính khoa học và thực tiễn (điểm tối đa 10 điểm)**	
2.1	Đảm bảo tính logic của vấn đề trình bày	5
2.2	Các giải pháp SKKN đưa ra phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ, *giải quyết* tốt vấn đề đặt ra	5
III	**Sáng kiến có yếu tố mới và sáng tạo (điểm tối đa 30 điểm)** *(chỉ chọn 01 (một) trong 05 (năm) nội dung bên dưới và cho điểm tương ứng)*	
3.1	Hoàn toàn mới, được áp dụng đầu tiên	30
3.2	Có cải tiến so với giải pháp trước đây với mức độ khá	20
3.3	Có cải tiến so với giải pháp trước đây với mức độ trung bình	15
3.4	Có cải tiến so với giải pháp trước đây với mức độ ít hơn trung bình	10
3.5	Không có yếu tố mới hoặc sao chép từ các giải pháp đã có trước đây	0
IV	**Sáng kiến có khả năng áp dụng (điểm tối đa 20 điểm)** *(chỉ chọn 01 (một) trong 04 (bốn) nội dung bên dưới và cho điểm tương ứng)*	
4.1	Có phạm vi áp dụng trên cấp Trường	20
4.2	Có phạm vi áp dụng trong toàn Trường	15
4.3	Có phạm vi áp dụng trong đơn vị	10
4.4	Không khả năng áp dụng trong Trường	0
V	**Sáng kiến có khả năng mang lại hiệu quả thiết thực (điểm tối đa 30 điểm)** *(chỉ chọn 01 (một) trong 04 (bốn) nội dung bên dưới và cho điểm tương ứng)*	
5.1	Áp dụng đem lại hiệu quả cao	30
5.2	Áp dụng đem lại hiệu quả khá	20
5.3	Áp dụng đem lại hiệu quả trung bình	10
5.4	Không có hiệu quả kinh tế và lợi ích xã hội	0
	Tổng cộng **(điểm cộng tối đa: 100 điểm)**	

2. Phương pháp chấm điểm

- Thành viên Hội đồng đánh giá sáng kiến bằng cách cho điểm theo thang điểm đã quy định. Phiếu hợp lệ là phiếu cho điểm bằng hoặc thấp hơn điểm tối đa đã ghi trên phiếu tương ứng cho từng tiêu chí đánh giá;

- Số điểm được làm tròn tới hàng đơn vị cho từng tiêu chí (theo quy tắc làm tròn số), ví dụ: Tại tiêu chí yếu tố mới và sáng tạo, nếu đánh giá đạt từ 25,1 đến 25,4 điểm thì chấm là 25 điểm; nếu đạt từ 25,5 đến 25,9 điểm thì chấm là 26 điểm.

3. Xếp loại sáng kiến

a) Trường hợp sáng kiến đạt yêu cầu, sáng kiến được công nhận ở 01 (một) trong 03 (ba) mức xếp loại sau:

- Xuất sắc: khi có số tổng điểm trung bình đạt từ 85 trở lên;

- Khá: khi có tổng số điểm trung bình đạt từ 65 đến dưới 85;

- Trung bình: khi có tổng số điểm trung bình đạt từ 50 đến dưới 65.

b) Sáng kiến không đạt yêu cầu khi rơi vào 01 (một) trong 03 (ba) trường hợp sau:

- Có tổng số điểm của 05 mục I, II, III, IV và V tại khoản 1 Điều này đạt dưới 50 điểm;

- Sáng kiến có yếu tố mới và sáng tạo đạt dưới 15 điểm;

- Sáng kiến có khả năng mang lại hiệu quả thiết thực đạt dưới 10 điểm.

Điều 10. Công nhận và hủy bỏ việc công nhận sáng kiến cấp cơ sở

1. Người được công nhận sáng kiến

a) Người được công nhận sáng kiến là tác giả sáng kiến trực tiếp tạo ra sáng kiến bằng chính lao động sáng tạo của mình.

b) Tác giả sáng kiến hoặc các đồng tác giả sáng kiến (nếu có) và tỷ lệ đóng góp của từng đồng tác giả.

Trong trường hợp sáng kiến do nhiều người tạo ra, nhưng chỉ đề nghị công nhận sáng kiến cho một người thì người được công nhận là tác giả sáng kiến phải có tỷ lệ đóng góp trí tuệ nhiều nhất cho việc tạo ra sáng kiến.

2. Công nhận sáng kiến cấp Trường

Căn cứ kết quả xét công nhận sáng kiến, HĐSKCT hoàn tất thủ tục trình Hiệu trưởng ra quyết định công nhận sáng kiến. Kết quả công nhận sáng kiến theo quy định tại quy chế này được sử dụng làm tiêu chí trong bình xét thi đua khen thưởng hàng năm của Trường.

3. Theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân, Hiệu trưởng có quyền quyết định hủy bỏ việc công nhận sáng kiến và thông báo cho tác giả tạo ra sáng kiến trong các trường hợp sau đây:

a) Người nộp đơn yêu cầu công nhận sáng kiến không phải là tác giả sáng kiến;

b) Đối tượng được công nhận là sáng kiến không đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy định này hoặc việc áp dụng, chuyển giao đối tượng đó xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của người khác.

Điều 11. Mốc thời gian hoàn thành

Hội đồng Sáng kiến sẽ làm việc và công bố kết quả công nhận sáng kiến cấp Trường trước ngày 15 tháng 6 hàng năm.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Trách nhiệm của cá nhân, đơn vị

1. Lãnh đạo Nhà trường, lãnh đạo các đơn vị và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm túc các quy định về quy trình xét, công nhận sáng kiến được quy định tại Quy định này.

2. Tác giả sáng kiến: chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu xảy ra tranh chấp về bản quyền có liên quan đến nội dung sáng kiến; phối hợp với các đơn vị triển khai thử nghiệm, áp dụng sáng kiến.

Điều 13. Quyền của Trường, tác giả sáng kiến và người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu

1. Với tư cách là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến, Trường Đại học Kiên Giang có quyền:

a) Áp dụng sáng kiến;

b) Chuyển giao sáng kiến cho tổ chức, cá nhân khác áp dụng theo quy định của pháp luật.

2. Quyền lợi của tác giả, đồng tác giả

a) Được ghi nhận là tác giả sáng kiến trong quyết định công nhận sáng kiến và được nêu danh tác giả sáng kiến khi sáng kiến được phổ biến, giới thiệu;

b) Nhận thù lao theo quy định tại Điều 14;

c) Hưởng các chế độ khuyến khích khác theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng và pháp luật về khoa học và công nghệ;

d) Áp dụng và chuyển giao sáng kiến cho tổ chức, cá nhân khác, trừ trường hợp sáng kiến là đối tượng thuộc quyền sở hữu trí tuệ của chủ đầu tư tạo ra sáng kiến và trường hợp giữa tác giả sáng kiến và chủ đầu tư tạo ra sáng kiến có thỏa thuận khác;

đ) Các quyền quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp tác giả sáng kiến đồng thời là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến.

3. Đối với sáng kiến đã được công nhận, người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu có quyền nhận thù lao theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012.

4. Việc áp dụng, chuyển giao sáng kiến quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này không được xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đang được bảo hộ, các quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác và không được trái với quy định của pháp luật.

Điều 14. Tài chính trong hoạt động sáng kiến

1. Việc chi trả thù lao cho tác giả, đồng tác giả và người tham gia tạo ra sáng kiến thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012.

2. Xác định tiền làm lợi do áp dụng sáng kiến:

a) Tiền làm lợi do áp dụng sáng kiến là tổng số tiền tiết kiệm từ tất cả các khoản lợi trực tiếp có được từ việc áp dụng sáng kiến, sau khi đã trừ các chi phí phát sinh do việc áp dụng sáng kiến.

b) Tiền làm lợi trực tiếp được xác định trên cơ sở so sánh thực trạng kinh tế, kỹ thuật trước và sau khi áp dụng sáng kiến.

c) Tiền làm lợi gián tiếp từ việc áp dụng sáng kiến không được tính khi xác định tiền làm lợi.

3. Tài chính trong hoạt động sáng kiến

Kinh phí phục vụ các cuộc họp Hội đồng sáng kiến cấp Trường theo Quy chế chi tiêu nội bộ và được trích từ kinh phí hoạt động khoa học công nghệ của Trường.

Điều 15. Giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo

1. Các tranh chấp về quyền và nghĩa vụ của tác giả sáng kiến, người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến được giải quyết theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

2. Đối với viên chức, người lao động vi phạm các quy định về hoạt động sáng kiến, việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Điều 16. Điều khoản thi hành

1. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Phòng Hợp tác và Khoa học Công nghệ chịu trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn việc thực hiện Quy định này.

3. Trong quá trình thực hiện, quy định này có thể được điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với thực tế với các quy định mới của Nhà nước, các bộ và ban ngành liên quan./.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIÊN GIANG

Nguyễn Tuấn Khanh

M01-QĐSK

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIÊN GIANG
ĐƠN VỊ .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kiên Giang, ngày....tháng ....năm....

PHIẾU ĐĂNG KÝ SÁNG KIẾN
NĂM HỌC: .....

Kính gửi: Hội đồng Sáng kiến Trường ĐH Kiên Giang

Họ tên tác giả (đại diện nhóm tác giả):

Chức vụ:

Đơn vị công tác:

Trình độ chuyên môn:

Tên sáng kiến:

Lĩnh vực áp dụng:

Thời gian thực hiện:

(Lưu ý: các sáng kiến có thể được áp dụng trong 01 học kỳ hoặc cả năm học)

XÁC NHẬN
CỦA THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ĐĂNG KÝ
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Xét, công nhận sáng kiến kinh nghiệm năm học .....

Kính gửi: Hội đồng Sáng kiến Trường Đại học Kiên Giang

Họ và tên tác giả (đại diện nhóm tác giả):

Trình độ chuyên môn:

Chức vụ:

Đơn vị công tác:

Các đồng tác giả (nếu có):

Số TT	**Họ và tên**	**Ngày tháng năm sinh**	**Nơi công tác**	**Chức danh**	**Trình độ chuyên môn**	**Tỷ lệ (%) đóng góp vào việc tạo ra sáng kiến** (ghi rõ đối với từng đồng tác giả, nếu có)	**Ký tên**

Đề nghị Hội đồng Sáng kiến công nhận sáng kiến năm học ..... như sau:

1. Tên sáng kiến:

2. Lĩnh vực áp dụng:

3. Sự cần thiết, mục đích của việc thực hiện sáng kiến:

4. Tóm tắt của sáng kiến:

5. Phạm vi áp dụng:

6. Hiệu quả đạt được:

7. Danh sách những người đã tham gia áp dụng thử hoặc áp dụng sáng kiến lần đầu (nếu có):

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi công tác	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Nội dung công việc hỗ trợ

....., ngày ... tháng... năm .....

XÁC NHẬN CỦA ĐƠN VỊ QUẢN LÝ TRỰC TIẾP
(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ
(Ký và ghi rõ họ tên)

M03-QĐSK

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIÊN GIANG
ĐƠN VỊ: .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kiên Giang, ngày....tháng ....năm....

BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN SÁNG KIẾN

Họ tên tác giả (đại diện nhóm tác giả):

Trình độ chuyên môn:

Chức vụ:

Đơn vị công tác:

Các đồng tác giả (nếu có)

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi công tác	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ (%) đóng góp vào việc tạo ra sáng kiến (ghi rõ đối với từng đồng tác giả, nếu có)	Ký tên

1. Lĩnh vực áp dụng của sáng kiến:

2. Sự cần thiết, mục đích của việc thực hiện sáng kiến

3. Mô tả nội dung của sáng kiến

3.1. Tính mới

- Có sáng tạo, cải tiến, bổ sung hoặc phát hiện và xây dựng được nội dung, phương pháp mới, có tính đột phá phù hợp và nâng cao hiệu quả, chất lượng trong công việc;

- Ứng dụng khoa học kỹ thuật vào công việc mà trước đây chưa được áp dụng tại đơn vị.

3.2. Tính khoa học: có cơ sở lý luận vững vàng, luận cứ khoa học, xác thực, luận chứng thuyết phục, logic với vấn đề trình bày.

3.3. Tính thực tiễn: sáng kiến có khả năng áp dụng, phù hợp với điều kiện công việc đang thực hiện và đã ứng dụng thành công trong đơn vị (có tài liệu, số liệu minh chứng).

3.4. Tính hiệu quả: Sáng kiến đem lại hiệu quả trong công việc (dẫn chứng các số liệu, kết quả chính xác làm nổi bật tác dụng, hiệu quả của sáng kiến đã áp dụng).

4. Phạm vi áp dụng:

5. Kết quả, hiệu quả mang lại

6. Khả năng áp dụng của sáng kiến (có thể triển khai áp dụng rộng toàn trường hay tại đơn vị/chuyên môn)

7. Mục đích và những điểm khác biệt được áp dụng của sáng kiến

8. Thời gian thực hiện sáng kiến

9. Kiến nghị, đề xuất

** Lưu ý:*

- Hồ sơ gởi kèm theo báo cáo là các tài liệu có liên quan khác về sản phẩm và lợi ích thiết thực của sáng kiến hay các nguồn minh chứng khác (nếu có).

- Giấy ủy quyền của tác giả trong trường hợp tác giả sáng kiến ủy quyền cho người khác đứng tên báo cáo sáng kiến.

- Trường hợp những sáng kiến có cùng một nội dung do nhiều tác giả nộp đơn xét, công nhận sáng kiến thì tác giả nào nộp đơn trước tiên sẽ được tính là tác giả của sáng kiến./.

....., ngày.....tháng....năm ....

XÁC NHẬN CỦA ĐƠN VỊ QUẢN LÝ TRỰC TIẾP
(Ký, ghi rõ họ và tên)

NGƯỜI BÁO CÁO
(Ký, ghi rõ họ và tên)

M04-QĐSK

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIÊN GIANG
HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kiên Giang, ngày....tháng ....năm....

PHIẾU ĐÁNH GIÁ, NHẬN XÉT SÁNG KIẾN

1.Tên sáng kiến: .....

2. Họ và tên tác giả sáng kiến: .....

3. Họ và tên thành viên đánh giá, nhận xét: .....

4. Nội dung đánh giá (chấm điểm)

STT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Điểm đánh giá
I	**Hình thức (điểm tối đa 10 điểm)**		
1.1	Cấu trúc đầy đủ các phần theo hướng dẫn	5	
1.2	Trình bày rõ ràng, khoa học	5	
II	**Tính khoa học và thực tiễn (điểm tối đa 10 điểm)**		
2.1	Đảm bảo tính logic của vấn đề trình bày	5	
2.2	Các giải pháp SKKN đưa ra phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ, *giải quyết* tốt vấn đề đặt ra	5	
III	**Sáng kiến có yếu tố mới và sáng tạo (điểm tối đa 30 điểm)** *(chỉ chọn 01 (một) trong 04 (bốn) nội dung bên dưới và cho điểm tương ứng)*		
3.1	Hoàn toàn mới, được áp dụng đầu tiên	30	
3.2	Có cải tiến so với giải pháp trước đây với mức độ khá	20	
3.3	Có cải tiến so với giải pháp trước đây với mức độ trung bình	15	
3.4	Có cải tiến so với giải pháp trước đây với mức độ ít hơn trung bình	10	
3.5	Không có yếu tố mới hoặc sao chép từ các giải pháp đã có trước đây	0	
IV	**Sáng kiến có khả năng áp dụng (điểm tối đa 20 điểm)** *(chỉ chọn 01 (một) trong 03 (ba) nội dung bên dưới và cho điểm tương ứng)*		
4.1	Có phạm vi áp dụng trên cấp trường	20	
4.2	Có phạm vi áp dụng trong toàn trường	15	
4.3	Có phạm vi áp dụng trong đơn vị	10	
4.4	Không khả năng áp dụng trong trường	0	
V	**Sáng kiến có khả năng mang lại hiệu quả thiết thực (điểm tối đa 30 điểm)** *(chỉ chọn 01 (một) trong 03 (ba) nội dung bên dưới và cho điểm tương ứng)*		
5.1	Áp dụng đem lại hiệu quả cao	30	
5.2	Áp dụng đem lại hiệu quả khá	20	
5.3	Áp dụng đem lại hiệu quả trung bình	10	
5.4	Không có hiệu quả kinh tế và lợi ích xã hội	0	
	Tổng cộng (điểm cộng tối đa: 100 điểm)		

M04-QĐSK

5. Nhận xét: .....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

6. Xếp loại: .....

Thành viên đánh giá, nhận xét
(ký, ghi rõ họ tên)

**** Ghi chú:***

- Thành viên Hội đồng chấm điểm theo thang điểm đã quy định, phiếu có số điểm hợp lệ là phiếu cho điểm bằng hoặc thấp hơn điểm tối đa theo quy định đối với từng tiêu chí.

- Điểm tối đa tiêu chí "Sáng kiến có yếu tố mới và sáng tạo": phải đạt từ 15 điểm trở lên, nếu dưới 15 điểm thì sáng kiến không đạt.

- Điểm tối đa tiêu chí "Sáng kiến có khả năng mang lại hiệu quả thiết thực": phải đạt từ 10 điểm trở lên, nếu dưới 10 điểm thì sáng kiến không đạt.

- Xếp loại sáng kiến theo điểm:

+ Xuất sắc: từ 85 điểm trở lên

+ Khá: từ 65 đến dưới 85 điểm

+ Trung bình: từ 50 đến dưới 65 điểm

+ *Không đạt: dưới 50 điểm.*